

kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2002./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 76/2003/TT-BTC ngày 04/8/2003 hướng dẫn về bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng.

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 42/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn về bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khi tiến hành công tác đầu tư và xây dựng thuộc các dự án đầu tư, các tổ chức và cá nhân có liên quan (kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động tư vấn đầu tư và xây dựng và hoạt động thi công xây lắp công trình tại Việt Nam) thực hiện mua bảo hiểm theo quy

định tại Thông tư này để ứng phó với thiệt hại phát sinh do những rủi ro bất ngờ, không lường trước được hoặc do lỗi, thiếu sót, sự bất cẩn của các tổ chức, cá nhân trong quá trình đầu tư và xây dựng.

Bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Việc mua bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng của các tổ chức và cá nhân phải thực hiện tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động ở Việt Nam.

3. Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Các sản phẩm bảo hiểm trong đầu tư và xây dựng bao gồm:

1.1. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng.

1.2. Bảo hiểm công trình xây dựng.

1.3. Bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công.

1.4. Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động.

1.5. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.

2. Đối tượng bảo hiểm bắt buộc:

2.1. Bảo hiểm công trình xây dựng thực hiện đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

Đối với các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác, Nhà nước khuyến khích mua bảo hiểm công trình xây dựng.

2.2. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng; bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công; bảo hiểm tai nạn đối với người lao động; bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba thực hiện việc mua bảo hiểm bắt buộc đối với các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động tư vấn đầu tư và xây dựng và hoạt động thi công xây lắp công trình, không phân biệt nguồn vốn đầu tư.

3. Bên mua bảo hiểm bao gồm: chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án), tổ chức (hoặc cá nhân) tư vấn đầu tư và xây dựng, doanh nghiệp xây dựng.

3.1. Đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng: Bên mua bảo hiểm là các tổ chức (hoặc cá nhân) tư vấn đầu tư và xây dựng.

3.2. Đối với bảo hiểm công trình xây dựng: Bên mua bảo hiểm là chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án). Trường hợp phí bảo hiểm đã được tính vào giá trúng thầu thì nhà thầu thực hiện việc mua bảo hiểm.

3.3. Đối với bảo hiểm vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công; bảo hiểm tai nạn đối với người lao động; bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba: Bên mua bảo hiểm là các doanh nghiệp xây dựng.

4. Hạch toán phí bảo hiểm:

4.1. Đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng: Phí bảo hiểm được tính vào giá thành sản phẩm tư vấn.

4.2. Đối với bảo hiểm công trình xây dựng: Phí bảo hiểm là một bộ phận vốn đầu tư của dự án và được tính trong tổng dự toán (dự toán) công trình. Phí bảo hiểm được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá trị công trình.

4.3. Đối với bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công; bảo hiểm tai nạn đối với người lao động; bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba: Phí bảo hiểm được tính vào chi

phí sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng.

5. Khi xảy ra sự cố thuộc trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho bên mua bảo hiểm theo đúng các điều kiện và điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 137/1999/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm công trình xây dựng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 856/2003/QĐ-BTM ngày 14/7/2003 về Quy chế hoạt động của Tổ Điều hành thị trường trong nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04/12/1993

09639777